TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **1428/**2017/HNGĐ-ST Ngày: 23-10-2017 Về việc tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Cương.

Bà Nguyễn Huỳnh Bảo K.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 342/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 688/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Lâm Mỹ P, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Ông Lê Cẩm T, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Lâm Mỹ P trình bày:

Bà và ông Lê Cẩm T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 4767 quyển số 20 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2002. Ông T làm việc và sinh sống chủ yếu tại Hoa Kỳ nên vợ

chồng bà không có nhiều thời gian chung sống với nhau, từ đó mâu thuẫn phát sinh. Mặc dù bà đã cố gắng để dung hòa để xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng không đạt kết quả. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Lê Cẩm T.

Về con chung: Bà và ông Lê Cẩm T có 01 người con chung là Lê Triển K, giới tính: nam, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002. Bà yêu cầu được trực tiếp, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai được chứng thực ngày 21 tháng 8 năm 2017 và được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Texas, Hoa Kỳ hợp pháp hóa lãnh sự ngày 11 tháng 9 năm 2017, bị đơn ông Lê Cẩm T trình bày:

Ông và bà Lâm Mỹ P tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 4767 quyển số 20 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp ngày 27 tháng 12 năm 2002. Ông xác nhận giữa ông và bà P có mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc do khác biệt trong cách suy nghĩ và vợ chồng thường xuyên sống xa cách. Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông đồng ý vì tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung là Lê Triển K, giới tính: nam, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002 cho bà Lâm Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, do bà P không yêu cầu nên ông và bà P sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Lê Cẩm T hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên và bị đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ

trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn trong vụ án là ông Lê Cẩm T hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và giấy chứng nhận kết hôn số 4767 quyển số 20 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2002, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Lâm Mỹ P với ông Lê Cẩm T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của các đương sự thì cuộc sống hôn nhân giữa hai người chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu. Ông T sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, cả hai người đều xác nhận việc sống xa cách làm phát sinh nhiều mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hai người không có điều kiện để chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ những vấn đề trong đời sống hôn nhân. Bà Lâm Mỹ P khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông Lê Cẩm T đồng ý.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã ở mức độ trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được. Xuất phát từ ý chí của nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Lâm Mỹ P được ly hôn với ông Lê Cẩm T.

Về con chung: Ông Lê Cẩm T đồng ý với yêu cầu của bà Lâm Mỹ P được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Triển K, giới tính: nam, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận này của nguyên đơn và bị đơn không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 121 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Mỹ P:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lâm Mỹ P được ly hôn với ông Lê Cẩm T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 4767 quyển số 20 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Triển K, giới tính: nam, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002 cho bà Lâm Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông Lê Cẩm T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Mỹ P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự

đã nộp theo biên lai thu tiền số 0047258 ngày 24/7/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà P đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đình Cương	**Nguyễn Huỳnh Bảo K**	**Nguyễn Văn Tuấn**